



## Bài báo nghiên cứu

# NGÔ GIA VĂN PHÁI VÀ VẤN ĐỀ CHỨC NĂNG CỦA VĂN CHƯƠNG

**Đặng Văn Vũ**

*Trường Đại học Sài Gòn, Việt Nam*

*Tác giả liên hệ: Đặng Văn Vũ – Email: [trieuvu68@gmail.com](mailto:trieuvu68@gmail.com)*

*Ngày nhận bài: 24-8-2021; ngày nhận bài sửa: 18-12-2021; ngày duyệt đăng: 22-01-2022*

## TÓM TẮT

*Ngô gia văn phái là một phái văn nổi bật thời kì trung đại. Ngoài thành tựu sáng tác, Ngô gia văn phái cũng có những quan niệm nhất định về lí luận văn học. Về chức năng, họ đề cao chức năng tải đạo, phản ánh hiện thực và thẩm mỹ. Ở phương diện nào, Ngô gia văn phái cũng có những quan niệm xác đáng. Những quan niệm này được hình thành trên cơ sở của những nhà văn trước truyền lại, đồng thời từ chính những trải nghiệm của họ. Bằng phương pháp hệ thống và thao tác phân tích, bài viết làm rõ những vấn đề lí luận của Ngô gia văn phái về chức năng của văn chương. Bài viết hướng đến việc giới thiệu lí luận sáng tác của Ngô gia văn phái để làm cơ sở cho việc tiếp nhận tác phẩm của văn phái này nói riêng và văn học trung đại nói chung.*

**Từ khóa:** chức năng của văn chương; Ngô gia văn phái

## 1. Đặt vấn đề

Trong lịch sử văn học Việt Nam, Ngô gia văn phái là một hiện tượng văn học thú vị. Đây là một văn phái mà các thành viên đều trong cùng dòng họ Ngô ở làng Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai, Hà Nội. Văn phái này gồm các thế hệ thuộc họ Ngô Thì trải dài hơn một trăm năm, từ thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX với tất cả 15 nhà văn, sáng tác rất nhiều thể loại và để lại hơn 5000 trang tác phẩm.

Để có được một số lượng tác phẩm đồ sộ với rất nhiều các thể loại khác nhau, đồng thời với sáng tác, các tác giả Ngô gia đã có ý thức về vấn đề lí luận về văn chương. Việc tổng hợp những tác phẩm của Ngô gia văn phái và sắp xếp thành hệ thống đã cho thấy kiến thức lí luận văn chương của Ngô gia tương đối hoàn chỉnh. Lí luận ấy được tiếp nối từ những quan điểm của các nhà văn ở những thế kỉ trước như Lê Thánh Tông, Hoàng Đức Lương, Nguyễn Trãi, Lê Quý Đôn... Và đến lượt mình, Ngô gia cũng đã có những quan niệm mới để làm rõ hơn tư tưởng sáng tạo của văn phái.

---

*Cite this article as:* Dang Van Vu (2022). The literature school of Ngo gia van phai and the function issues of literature. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 19(1), 53-60.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Chức năng chở đạo

“Văn dĩ tải đạo”, đó là tư tưởng bao trùm của triết lí Nho giáo về văn chương. Tính chất “chở đạo” đó có sự khác nhau từ Khổng Tử (TK VI-V TCN) đến Tống Nho (TK X-XIII), nhưng nhìn chung nó có sự thống nhất cao độ về nhiệm vụ chở đạo thánh hiền (chứ không phải đạo nhân dân), đó là chức năng quan trọng nhất của văn chương. Ngày nay, ta hiểu “Văn dĩ tải đạo” thiên về cách hiểu của Nguyễn Đình Chiểu hơn là cách hiểu của Nho giáo. Có thể nói, từ “Văn dĩ tải đạo” của Tống Nho đến “Văn dĩ tải đạo” của Nguyễn Đình Chiểu trong “Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm/ Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà” là cả một quá trình tiếp biến, phát triển, thấm đẫm tinh thần dân tộc và đặc trưng văn hóa, lịch sử Việt Nam.

Sinh hoạt văn chương của Ngô gia văn phái trải dài trong hai thế kỉ XVIII và XIX. Đây là giai đoạn suy thoái sâu nhất của chế độ phong kiến Việt Nam. Các nhà văn họ Ngô phần lớn là những người đỗ đạt và tham gia triều chính. Đó là những cơ sở hình thành nên quan điểm văn chương “tải đạo” của họ, một quan điểm đậm chất Tống Nho mà Tụ Đức trong lời bạt “Ngự chế thi nhị tập” đã quán triệt: “Đạo là gốc rễ của văn, văn là cành lá của đạo. Đấng thánh nhân có tài, hiểu rõ đạo đức, hành động hợp với lễ nghĩa trong lòng là chí, phát ra lời nói là văn. Thế thì mọi hành động, mọi lời nói đều xuất phát từ lễ nghĩa” (Phuong, 1985, p.94). Trên tinh thần đó, các tác giả họ Ngô đã thể hiện quan điểm chở đạo của mình. Ngô Thì Nhậm coi văn là một lĩnh vực cao siêu, là sự biểu lộ của đạo:

Văn chương của Thái cực phát lộ ra ở trên là mặt trời, trăng sao; ở giữa là kinh truyện của thánh hiền; ở dưới là núi non, sông bể. Song mặt trời, trăng, sao, núi non, sông bể, vì sao mà chuyên vắn, trôi, đứng, cái “tình” của nó ta không thể biết được. Ta chỉ thấy cái “hình” của nó mà thôi. Riêng kinh truyện của thánh hiền là nêu ra được hết tinh thần và hình thể của Thái cực. Thái cực là đạo, tinh thần và hình thể của Thái cực là những cái rộng lớn và ẩn vi của đạo. Những cái đó đều nhờ vào văn chương mà biểu lộ ra. (Phan, 2007, p.147).

Như vậy, “kinh truyện của thánh hiền” là ở giữa, tức là phần trung tâm, cốt lõi của văn chương, và chính nó đã nêu ra được nội dung và hình thức của tác phẩm. Đạo đã chi phối toàn bộ một tác phẩm văn chương, văn chương chỉ là “ẩn vi” của đạo. Nếu xét câu nói này ở phương diện độc lập của nó, thì ta thấy Ngô Thì Nhậm khá thống nhất với Tụ Đức, Nguyễn Tư Giản, Nguyễn Văn Siêu hay Vũ Phạm Khải – những người thuần túy ảnh hưởng Tống Nho. Tuy nhiên, đặt câu nó trong trong hệ thống quan niệm của riêng ông và của những tác giả họ Ngô Thì thì ta thấy nó không đơn giản là khô khan, phiến diện như vậy.

Lúc Tụ Đức mới lên ngôi, trong bản kiến nghị của Trương Quốc Dung có đoạn viết: “Văn chương quan hệ với vận đời. Nhân sĩ học tập phải say mê nhân nghĩa đạo đức rồi sau mới phát ra làm văn chương” (Phuong, 1985, p.92). Ngô Thì Chí trong *Bài tựa viết cho tập thơ của mình* cũng phát biểu tương tự: “Văn chương là dòng dõi của nghĩa lí, nghĩa lí là nguồn gốc của văn chương, cho nên nguồn gốc tác thì dòng phân li, đó là cái bệnh của kẻ

làm văn” (Phuong, 1985, p.92). Người có đạo thì có lời hay, người có lời hay chưa chắc có đạo, ý này của Khổng Tử được lưu truyền cho môn đệ của ông mà không hề suy suyển qua nhiều thế kỉ. Chúng ta phải hiểu nhân nghĩa đạo đức của Nho giáo khác với nhân nghĩa đạo đức theo quan niệm nhân dân, của truyền thống văn hóa Việt Nam mà Nguyễn Trãi thể hiện trong *Bình Ngô đại cáo*. “Nghĩa lí là nguồn gốc của văn chương”, “nghĩa lí” ở đây chính là đạo Tam cương, Ngũ thường của Khổng Tử, là triết lí chính của Nho giáo. Tại sao Ngô Thì Chí cho rằng “nguồn gốc (nghĩa lí) tắc thì dòng phân li (không đi đúng hướng)”?. Theo quan niệm chung của người xưa, trong một tác phẩm văn chương, nội dung quan trọng hơn hình thức. Trong *Lê triều thông sử*, Lê Quý Đôn có viết: “Phải viết có nội dung thì văn chương thịnh, không như thế thì suy. Điều này là một phương thuốc hay một luật lệ, mọi người theo nó thì không sai mấy may” (Phuong, 1985, p.144). Trong lời bạt tập *Thu hương lục*, Bùi Dương Lịch cũng viết: “Do tình sinh ý, do ý sinh chữ; bởi cái này thì có cái kia; cũng là thế cả, việc này cần phải bàn thêm” (Phuong, 1985, p.144). Ở đây, hình thức chỉ phục vụ cho nội dung chứ không phải là mối quan hệ xuyên thấu, cái này là sự chuyển hóa của cái kia và ngược lại như quan niệm của Hegel, Bielincki trong lí luận phương Tây. Theo Ngô Thì Chí, cũng như các nhà văn Trung đại, thì chỉ những người thấm nhuần tinh thần đạo đức Nho giáo thì mới sáng tác được, bởi nó thuộc phạm trù tư tưởng, triết lí. Sáng tác mà không có một chiều sâu tư tưởng triết học thì không thể tạo nên một tác phẩm hay. Tuy nhiên, điều này chỉ đúng khi đó là những tư tưởng tiến bộ, nhân văn; còn như tư tưởng triết học phiến diện, bảo thủ thì chỉ tạo ra tác phẩm phục vụ cho dã tâm chính trị của một nhóm người chứ không thể đạt đến chủ nghĩa nhân đạo hay tính nhân loại được.

Xa hơn nữa, Ngô Thì Sĩ cho rằng cần phải lựa chọn hình thức đẹp đẽ, cao siêu mới thể hiện được tâm thành ngưỡng mộ thánh nhân:

Khư khư trình bày lời què mùa  
 Sao có thể ca ngợi được đức cao vời vợi  
 Hát cuồng phong thay cho sự ghen ngào  
 Uống say để nén những điều chất chứa  
 Lòng ta không thể nói ra hết  
 Khắc khối đối ánh mặt trời. (Phan, 2007, p.137)

Đạo cao đức trọng là phẩm chất của vua chúa (theo quan niệm của Nho giáo). Để tương xứng, nhà văn thơ phải chọn lời cao sang, hoa lệ thì mới chuyển tải được nội dung ca ngợi thánh nhân.

Nằm trong dòng chung của văn học trung đại, quan niệm của Ngô gia văn phái cũng thể hiện rõ chức năng chở đạo thánh hiền của văn chương. Tuy nhiên, ngoài chức năng quan trọng này, Ngô gia văn phái còn quan niệm văn chương có nhiều chức năng khác nữa là phản ánh hiện thực, gắn liền với hiện thực xã hội, nhân dân là một nội dung quan trọng.

## 2.2. Chức năng phản ánh hiện thực

Bất cứ một nhà văn nào cũng đều sống trong một môi trường văn hóa cụ thể, trong một điều kiện lịch sử xã hội cụ thể, cho nên họ luôn luôn chịu sự tác động của hiện thực xã hội đến tâm lí, tư tưởng, tình cảm... Vậy nên, phản ánh hiện thực là điều hết sức tự nhiên trong sáng tác nghệ thuật. Dù là lãng mạn, tượng trưng, siêu thực đến đâu cũng luôn mang bóng dáng hiện thực. Đó là một quy luật.

Hơn ở đâu hết, do điều kiện lịch sử triền miên, chiến tranh loạn lạc nên vấn đề hiện thực xã hội tác động rất lớn đến tinh thần, tư tưởng, và nó đã trở thành một “gen di truyền” trong ý thức của người Việt. Bởi vậy, ngay từ những sáng tác văn chương bác học đầu tiên ở ta, vấn đề hiện thực xã hội là nhiệm vụ chính mà các nhà văn không thể không đề cập. Thế kỉ XIII, trong *Cổ kim khoa thi thông khảo*, Vũ Khâm Lân đã xuất phát từ hiện thực lịch sử xã hội để phê phán văn chương không “quan hệ tới quốc kế dân sinh” đương thời: “Tìm xem nó có điều gì quan hệ tới quốc kế dân sinh, thì tuyệt nhiên vắng bóng. Lề thói thì ưa chuộng lá lướt, dần dần đi tới mất nước” (Phuong, 1985, p.20); Lê Quý Đôn cũng viết: “Lúc an nhàn nhìn thấy các bậc công thần đại phu văn chương, phong thái, tinh thần, dáng vẻ siêu nhiên như ở ngoài cõi tục, ai chẳng ngưỡng mộ, ước muốn. Nhưng khi nước nhà nguy cấp thì trông khắp bốn bề chẳng có một ai mà nhờ cậy. Than ôi! Những kẻ trị nước dùng hư văn, cao đàm mà làm gì?” (Phuong, 1985, p.20). Như vậy, trong tinh thần chung của cha ông chúng ta thì họ không chấp nhận thứ văn chương không quan hệ với vận đời. Văn chương như vậy được gọi là “hư văn”, là “cao đàm”.

Ngô gia văn phái rất đề cao chức năng phản ánh hiện thực của văn chương, xem nó như là tiêu chí hàng đầu, và đó cũng là chất liệu quan trọng của văn chương. Ngô Thì Chí trong *Chí ngôn tiểu thư thoại* khẳng định cảm hứng và cảm quan nhân dân trong quá trình sáng tác:

Gần đây nhân ở trọ tại ấp bên, dân ấp ấy quê mùa lại còn vụng dại, chốn ấy là nơi dấu chân các bậc tao nhân mặc khách chưa hề đặt đến. Ta lui về sống cùng họ ở đây, những lời danh lợi, được mất không lọt đến tai, những mong mỗi viên vông, mưu toan cầu lợi cũng không gieo vào lòng họ được. Có lẽ vì tinh thần vui vẻ như nước vô lo, mà thiên cơ hiện ra. Lúc thiên cơ nảy sinh thì thành những thú vui: mà cất cao tiếng hát, mà ngâm nga hào hùng, hoặc vừa đi vừa hát, hoặc kẻ bên chén rượu, cũng không thể tự hãm mình được” (Tran, 2010, p.309).

Gắn liền với nhân dân, với thôn xóm hiền hòa thì thể tất “thiên cơ” (tứ thơ, ý thơ, cảm xúc thơ) sẽ xuất hiện. Lấy cảm hứng từ cuộc sống của nhân dân là tư tưởng sáng tạo của văn học hiện thực, chính cảm hứng ấy đã dẫn đến hình thành nên dòng văn học hiện thực nhân dân chảy suốt từ thế kỉ X đến văn học hiện đại ở Việt Nam.

Tiếp nối tinh thần của Ngô Thì Chí, Ngô Thì Sĩ trong *Thượng tuyền điều khảo* có phát biểu: “Văn chương có quan hệ đến vận đời, đời mà đạo tìm kiếm người tài phải coi việc giáo hóa là trước nhất” (Tran, 2010, p.315). “Vận đời” là phạm vi của hiện thực đời sống. Văn chương xuất phát từ những con người cụ thể của đời sống nên họ không thể không

quan tâm đến những vấn đề hiện thực xung quanh mình để viết nên tác phẩm. Ý thức con người được hình thành chủ yếu từ yếu tố hiện thực vật chất và thế giới tâm linh, niềm tin tôn giáo chứ không đơn thuần là “vật chất quyết định ý thức”. Nhưng chúng ta thừa nhận rằng, trước tiên và trên hết là hiện thực đời sống tác động vào tâm trí; và bằng tư duy, con người đã hình thành ý thức, tư tưởng. Văn chương là một hình thái ý thức nên đương nhiên có quan hệ với “vận đời”. Ngay cả Chủ nghĩa lãng mạn, một trào lưu nghệ thuật vượt lên trên hiện thực, thơ mộng hóa, nhưng nó cũng đầy ắp chất hiện thực.

Điều kiện tiên quyết của sáng tạo nghệ thuật là người nghệ sĩ phải đầy ắp cảm xúc. Cảm xúc của con người được nảy sinh trước một đối tượng cụ thể trong hiện thực và tưởng tượng. Nhưng ở thời trung đại, khi những lí thuyết tế vi về tâm linh con người của thế giới chưa du nhập vào Việt Nam thì người nghệ sĩ thời trung đại luôn tin một cách chắc chắn rằng, tình cảm, cảm xúc của con người chỉ có thể nảy sinh trước sự vật, hiện tượng cụ thể trong đời sống. Ngô Thì Nhậm cho rằng: “Làm thơ phải gửi tâm tình vào sự vật” (*Bàn thơ cùng Phan Huy Ích*). Tâm tình của con người không thể vu vơ, hư ảo mà nó phải là tâm tình trước một sự vật nhất định. Đó là nguyên lí sáng tạo của thơ văn xưa. Sự vật ở đây chính là thế giới hiện thực, là vật chất cụ thể. Chỉ có tuân theo nguyên lí ấy, tức là dùng văn chương để “giúp đời” thì mới được gọi là “nhà”, như câu nói sau đây của Ngô Thì Nhậm:

Những nhà văn có văn chương giúp đời, sáng tác không chỉ có một loại. Thơ, phú, ca, hành, biện luận, kí, chí, tựa, bạt, giải thích, biên ngẫu, tản văn, chất chứa trong lòng, phát ra lời đẹp như gắm vóc làm đẹp mắt, như vải lụa làm thích thân, đó gọi chung là nhà văn. Trong các thể loại đó, cái có thể làm phấn chấn lòng người, cảm phát tình người, thì không gì lớn hơn thơ. Cho nên đối với những người làm thơ thì chuyên gọi là “nhà” (Phan, 2007, p.141).

Sở dĩ được gọi là “nhà” vì họ sáng tạo văn chương giúp đời, tức là văn chương hữu dụng, còn ngược lại thì bị cho là “hư văn”.

Như vậy, theo quan niệm truyền thống của cha ông và của các tác giả Ngô gia văn phái, văn chương gắn liền với hiện thực, phản ánh hiện thực là chức năng rất quan trọng. Bên cạnh đó, các tác giả họ Ngô cũng luôn đề cao chức năng thẩm mỹ của văn chương.

### 2.3. Chức năng thẩm mỹ

Văn chương, khởi thủy của nó là để chơi, là để thưởng thức lúc trăng thanh gió mát bên tách trà hay chén rượu. Người bình dân sáng tác ca dao là để hát lên trong lúc lao động cho quên đi mệt nhọc chứ không phải là để nhận thức hay giáo dục đạo đức. Homer là một nghệ sĩ hát rong mãi miết trên những nẻo đường thiên lí để đem niềm vui cho người đời. Bởi vậy, đến bây giờ, trong lí luận văn học phương Tây, người ta cũng xem thẩm mỹ là chức năng hàng đầu của văn chương nghệ thuật. Ở phương Đông, ngay từ trước Tây lịch, Khổng Tử trong *Luận ngữ* cũng luôn đề cao chức năng này, ông nói: “Thi khả dĩ hưng” (*Kinh Thi* có thể làm phấn khởi ý chí – thiên Dương hóa), bởi vậy trong thiên *Biểu kí*, sách *Lễ kí*, ông có ghi: “Ngôn chi vô văn, hành nhi bất viễn” (Lời không văn vẻ, không truyền

được xa). Rõ ràng Khổng Tử không xem thường chức năng thẩm mỹ của văn chương như Chu Đôn Di, Trình Di hay Hàn Dũ thời Tống Nho.

Văn học trung đại Việt Nam luôn ghi nhận và đề cao chức năng này, có lẽ tựu trung nhất là ở câu nói của Hoàng Đức Lương:

Đối với thơ, người xưa hoặc ví như gói nem, hoặc ví như gắm thêu. Gói nem là vị ngon nhất trên đời, gắm thêu là sắc đẹp nhất trên đời, hễ ai có mắt, có miệng đều biết quý trọng, không dám khinh thường. Đến như thơ, thì lại sắc ở ngoài mọi sắc, mắt thường không thể nhìn được; vị ở ngoài vị, miệng thường không thể nếm được. (Dẫn theo Phương, 1985, p.76)

Nói như thế, chứng tỏ Hoàng Đức Lương yêu văn thơ và đề cao nó như là những gì đẹp đẽ nhất trên đời. Cao hơn nữa, ông đã khẳng định tính cao cấp của hoạt động tinh thần văn chương khi cho là cần phải có năng lực tri thức, năng lực thẩm mỹ cao thì mới thưởng thức được nó.

Ngô Thì Nhậm trong lời tựa tập thơ *Tinh sà ki hành* cũng nhấn mạnh khả năng thẩm mỹ của thơ: “Có khả năng gây hứng thú và cảm xúc cho người thì không gì bằng thơ” (Phan, 2007, p.141). Dân tộc ta là một dân tộc yêu thơ. Dòng họ Ngô là dòng họ hình thành nên một “văn phái” thì tình yêu ấy mãnh liệt nhường nào. Chuyện kể rằng, năm 1732, Ngô Thì Úc thi Hương đỗ Á nguyên nhưng năm sau thi Hội không đỗ, ông dời ngôi nhà ở phường Cổ Vũ trong kinh thành Thăng Long về làng sống ẩn dật. Trong ngôi nhà của mình, ông xếp đá làm núi, xây bể cạn, trồng hoa mẫu đơn, vẽ tranh xử sĩ, đề thơ tỏ ý. Mỗi khi hoa nở, mỗi tuần trăng sáng, ông thường họp mặt bè bạn thắp hương, chia vắn làm thơ và không nói chuyện thời thế.

Cảm hứng văn chương là loại hứng thú thanh tao, cảm xúc mà văn thơ đem lại là cảm xúc thanh lọc để tâm hồn mình trở nên đẹp đẽ, phong phú hơn. Trên đời có nhiều thứ cũng đem lại hứng thú và cảm xúc cho con người, nhưng thơ với phẩm chất thẩm mỹ – tinh thần của mình, luôn đứng ở vị trí quan trọng nhất. Có lẽ vì vậy mà người xưa yêu thơ đến độ “nghiện”. Ngô Thì Sĩ trong *Tựa Anh ngôn thi tập* có nói:

...Nhưng vì có bệnh nghiện riêng nên cho rằng nghiện thơ còn hơn nghiện cái khác, rốt cuộc đều là nghiện cả. Ai ưa tôi mà tô son điểm phấn cho, thì Tây Thi cũng không phải là người trên trời; nếu phân chia là người với ta mà tìm cách dèm chê thì có khác gì Đông Thi lại cười Đông Thi, khiến cho người làng đến ôm bụng mà chạy. (Phan, 2007, p.138)

Có nhiều thứ để người ta vui thú, tùy theo từng hạng người mà họ chọn những niềm vui riêng của mình: có người chọn câu cá, có người chọn chơi chim, chơi cờ, uống rượu... và mỗi người thường “nghiện” một hoặc vài thứ là điều bình thường trong đời sống. Nhưng xưa nay, nói nghiện thơ có mấy ai. Tại sao lại nghiện thơ? Đây là một câu hỏi mà để trả lời đầy đủ có lẽ rất phức tạp. Nhưng nói một cách nôm na nhất thì chính thơ đem lại những cảm hứng tinh thần mạnh mẽ, cuốn hút, hấp dẫn mà Hoàng Đức Lương ví như gói nem, gắm thêu, và hơn thế nữa. Có lẽ vì vậy mà trong truyền thống văn hóa Việt Nam, cốt cách của người quân tử gắn liền với phẩm chất của thơ.

Ngô Thì Sĩ trong *Tựa Nam Trinh Liên vịnh tập* cũng viết tương tự: “Mỗi khi thấy trắng vào nhà, mây trên sông lại nhớ đến nhau. Khi thì đi xe nhỏ đến thăm, khi thì thả thuyền con đến hỏi, khi nằm giường khách nghe mưa, khi dạo chùa cỏ hóng gió. Ngoài việc xướng họa, không còn bận việc gì nữa, vui thú ở việc lựa vần, chọn chữ đã lâu rồi” (Phan, 2007, p.138). Chính niềm vui thú này mà truyền thống dòng họ Ngô Thì luôn duy trì các buổi sinh hoạt văn học với những nội quy nghiêm ngặt mà tiêu biểu nhất là *Hội Quan lan sào* của Ngô Thì Sĩ. Hội có những quy ước về ngồi (tọa ước), uống (ẩm ước), nói (ngôn ước), chiếu (tịch ước), ăn (thực ước). Những quy ước đều nhằm bảo đảm cho cuộc vui thanh nhã trọn vẹn, “hết mình” mà không lệ thuộc vào vật chất. Sự khẳng định về tình yêu văn thơ thể hiện ở sự “hết mình” với tác phẩm về phương diện thưởng thức cũng như sáng tác.

Trong lời tựa tập thơ *Tinh sà kĩ hành* của Phan Huy Ích, Ngô Thì Nhậm cũng đã dùng hình ảnh gắm vóc, vải lụa để nói về vẻ đẹp của thơ:

Thơ, phú, ca, hành, biền luận, kí, chí, tựa, bạt, giải thích, biền ngẫu, tản văn, chất chứa trong lòng, phát ra lời đẹp như gắm vóc làm đẹp mắt, như vải lụa làm thích thân, đó gọi chung là nhà văn. Trong các thể loại đó, cái có thể làm phân chấn lòng người, cảm phát tình người, thì không gì lớn hơn thơ. Cho nên đối với những người làm thơ thì chuyên gọi là “nhà” (Phan, 2007, p.142).

Từ xa xưa, ông cha ta đã thấy hạt nhân thẩm mỹ của một tác phẩm văn chương. Bản thân khái niệm “nghệ thuật” đã bao hàm nghĩa tinh xảo, khéo léo, đẹp đẽ. Thơ trước hết phải đẹp: đẹp trong cảm hứng, cảm xúc, đẹp trong ý tứ, ngôn từ, và đẹp trong tâm thế thưởng thức. Ý kiến của Ngô Thì Nhậm đã cho thấy rõ điều đó. Và cũng chính quan niệm như vậy (kết hợp với một số mục đích khác) mà Ngô Thì Trí đã khởi xướng việc hình thành bộ sách *Ngô gia văn phái*.

Các tác giả họ Ngô phát biểu không nhiều về chức năng thẩm mỹ của văn thơ, nhưng qua những ý kiến trên đây, ta thấy Ngô gia văn phái cũng không đi ra ngoài quan niệm chung của cha ông về cái đẹp tinh túy của loại hình nghệ thuật ngôn từ này. Và đó cũng là một sự đóng góp quan trọng vào gia tài lí luận rất tiến bộ về chức năng thẩm mỹ của văn chương trong lịch sử văn học Việt Nam.

### 3. Kết luận

Trong quan niệm của Ngô gia văn phái, chức năng chở đạo, phản ánh hiện thực và thẩm mỹ có mối liên hệ nội tại. Để có được cái đẹp của mình, văn chương phải biết chở đạo và phải gắn với đời sống hiện thực. Nhưng nếu văn chương xem trọng hai vấn đề này mà xem nhẹ phẩm chất thẩm mỹ của nó thì cũng không “đi được xa” như ý của Khổng Tử.

Khi nói đến Ngô gia văn phái, người ta thường nói đến gia tài sáng tác phong phú của văn phái này mà ít ai nhắc đến lí luận sáng tác của họ. Những vấn đề về lí luận sáng tác của Ngô gia văn phái dù không phải độc đáo mới lạ so với lí luận văn học của nhiều tác giả thời trung đại nói chung, nhưng những quan niệm họ đưa ra là tương đối đầy đủ về phương

diện chức năng của văn học, về phương diện sáng tạo văn chương. Những đóng góp lí luận của Ngô gia đã góp phần tạo nên một văn phái nổi bật và đóng góp không nhỏ vào gia tài lí luận văn học thời kì trung đại.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Phan, T. T., Nguyen, C., Vu, T., & Tran, N. T. (2007). *10 the ki ban luan ve van chuong [10 centuries of literary discussion]*. Hanoi: Education Publishing.
- Phuong, L. (1985). *Ve quan niem van chuong co Viet Nam [About the concept of ancient Vietnamese literature]*. Hanoi: Education Publishing.
- Tran, D. S (2005). *Thi phap van hoc trung dai Viet Nam [Poetic of medieval Vietnamese literature]*. Hanoi: Hanoi National University Publishing House.
- Tran, T. B. T. (2010). *Tuyen tap Ngo gia van phai [Collection Ngo gia van phai]*. Hanoi: Hanoi Publishing House.
- Tran, T. B. T. (1987). *Ngo Thi Si [Ngo Thi Si]*. Hanoi: Hanoi Publishing House.
- Tran, N. T. (2003). *Van hoc trung dai Viet Nam: duoi goc nhin van hoa [Medieval Vietnamese literature: from a cultural perspective]*. Hanoi: Education Publishing.

### THE LITERATURE SCHOOL OF NGO GIA VAN PHAI AND THE FUNCTION ISSUES OF LITERATURE

*Dang Van Vu*

*Sai Gon University, Vietnam*

*Corresponding author: Dang Van Vu – Email: trievvu68@gmail.com*

*Received: August 24, 2021; Revised: December 18, 2021; Accepted: January 22, 2022*

### ABSTRACT

“*Ngo gia van phai*” is an outstanding literary group of the medieval period. In addition to writing achievements, the group is also well known for certain notions of literary theory. Functionally, they appreciated the function of morality, reflecting reality and aesthetics. In any respect, the writers of *Ngo gia van phai* indicated their suitable perspectives. These perspectives were learned from previous writers and from their own experiences. Using systematic review, the article highlights theoretical reasonings related to the function of literature of *Ngo gia van phai*. The article also aims to introduce the writing theory of *Ngo gia van phai* as a basis for interpreting the works of this school in particular and medieval literature in general

**Keywords:** function issues of literature; *Ngo gia van phai*